

CTCP CHỨNG KHOÁN ASEAN

—☆—

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

☆☆☆

**QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASEAN**

CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020, các văn bản sửa đổi bổ sung và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán;
- Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Asean theo Nghị quyết số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/04/2021;
- Hội đồng quản trị ban hành Quy chế Công bố thông tin Công ty Cổ phần Chứng khoán Asean;
- Quy chế Công bố thông tin Công ty Cổ phần Chứng khoán Asean bao gồm các nội dung sau:

1. MỤC ĐÍCH

Quy chế công bố thông tin này (gọi chung là: “Quy chế”) được ban hành nhằm mục đích thống nhất việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty Cổ phần Chứng khoán Asean theo đúng quy định của Pháp luật hiện hành.

2. PHẠM VI ÁP DỤNG

2.1. Phạm vi áp dụng:

Quy chế này quy định về hoạt động, phân công trách nhiệm giữa các bộ phận chức năng trong việc công bố thông tin của Công ty Cổ phần Chứng khoán Asean phù hợp với Điều lệ của Công ty và quy định của pháp luật hiện hành.

2.2. Đối tượng áp dụng

- a) Công ty Cổ phần Chứng khoán Asean;



- b) Người nội bộ và người thực hiện công bố thông tin của Công ty Cổ phần Chứng khoán Asean;
- c) Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin;
- d) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty Cổ phần Chứng khoán ASEAN theo quy định.

3. TÀI LIỆU THAM CHIẾU

- 3.1. Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2019;
- 3.2. Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc: “Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán”;

4. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

- 4.1. Công ty: Là Công ty Cổ phần Chứng khoán ASEAN.
- 4.2. UBCKNN: Là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam.
- 4.3. UBGSTCQG: Là Ủy ban giám sát tài chính quốc gia.
- 4.4. SGDK: Là các Sở Giao dịch Chứng khoán hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam.
- 4.5. TTLKCK: Là Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
- 4.6. Điều lệ: Là Điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán ASEAN.
- 4.7. Đại hội đồng cổ đông/ĐHĐCĐ: Là Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Chứng khoán ASEAN.
- 4.8. Hội đồng Quản trị/HĐQT: Là Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Chứng khoán ASEAN.
- 4.9. Ban Điều hành: Là Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Chứng khoán ASEAN gồm:¹
 - a) Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán ASEAN;
 - b) Các Phó Tổng Giám đốc Công ty.

Tổng Giám đốc là người giữ chức vụ cao nhất của Ban Điều hành.

- 4.10. Người nội bộ: Là những cá nhân sau đây của Công ty:
 - a) Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - b) Thành viên Hội đồng quản trị;

¹ Bổ sung Định nghĩa về Ban Điều hành để phù hợp với quy định của Thông tư số 96/2020/TT-BTC về xác định người thực hiện công bố thông tin trong trường hợp vắng mặt Người đại diện theo pháp luật và Người được ủy quyền công bố thông tin.



- c) Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc hoặc các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm; cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh công ty ký kết giao dịch của công ty theo quy định tại Điều lệ công ty;
- d) Người phụ trách quản trị nội bộ;
- e) Người đại diện theo pháp luật, người được ủy quyền công bố thông tin.
- 4.11. Người thực hiện công bố thông tin: Là những cá nhân sau đây của Công ty, tùy từng trường hợp cụ thể theo quy định tại Quy chế này:
- a) Người đại diện theo pháp luật;
- b) Người được ủy quyền công bố thông tin;
- c) Thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban Điều hành.
- d) Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin, là các chủ thể sau:
- Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty;
 - Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư có liên quan mua vào để trở thành cổ đông lớn của Công ty;
 - Các nhà đầu tư khác theo quy định của pháp luật
- 4.12. Người có liên quan: Là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:
- a) Công ty và người nội bộ của Công ty;
- b) Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của Công ty;
- c) Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;
- d) Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp
- 4.13. Cổ đông lớn: Là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.
- 4.14. Ngày công bố thông tin: Là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin quy định tại Quy chế này.
- 4.15. Ngày báo cáo: Là ngày gửi fax, gửi dữ liệu điện tử qua email, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống thông tin điện tử của UBCKNN, Sở giao dịch chứng khoán hoặc ngày UBCKNN, Sở giao dịch chứng khoán nhận được văn bản báo cáo về việc công bố thông tin tùy theo thời điểm nào đến trước.

39
ÔNG
Ổ P
NG
ASI
KIỂM

- 4.16. Số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết: Là số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty đã phát hành trừ đi số cổ phiếu có quyền biểu quyết được Công ty mua lại làm cổ phiếu quỹ.
- 4.17. Tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị tổ chức kiểm toán độc lập thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán theo quy định của Luật Chứng khoán và pháp luật về kiểm toán độc lập.
- 4.18. Ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán được xác định như sau:
- Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Sở giao dịch chứng khoán;
 - Là ngày hiệu lực chuyển quyền sở hữu chứng khoán tại TTLKCK trong trường hợp giao dịch thực hiện thông qua TTLKCK.
 - Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện quyền mua
 - Là ngày hoàn tất việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu theo thông báo của Công ty.
 - Là ngày kết thúc việc thanh toán tiền mua cổ phần theo thông báo của Công ty trong trường hợp thực hiện giao dịch qua phương thức đấu giá;
 - Là ngày Công ty phát hành xác nhận hiệu lực của việc chuyển nhượng chứng khoán trong trường hợp giao dịch không thực hiện qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và không thực hiện qua Sở giao dịch chứng khoán
- 4.19. Tài liệu công bố thông tin: Là tất cả các giấy tờ, văn bản được sử dụng trong việc công bố thông tin theo Quy chế này.

5. NGUYÊN TẮC CÔNG BỐ THÔNG TIN:

- 5.1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật và bảo đảm:
- Người thực hiện công bố thông tin phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, phải công bố nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó;
 - Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Chứng minh quân nhân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu cá nhân đó đồng ý.

- 5.2. Khi công bố thông tin phải đồng thời báo cáo UBCKNN và Sở giao dịch chứng khoán nơi chứng khoán được niêm yết, đăng ký giao dịch về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại điểm c khoản 1 Điều này và các đối tượng công bố thông tin không muốn công khai các thông tin này thì phải gửi UBCKNN và Sở giao dịch chứng khoán 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản báo cáo về việc công bố thông tin bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản báo cáo không bao gồm thông tin cá nhân để UBCKNN và Sở giao dịch chứng khoán nơi chứng khoán được niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện công bố thông tin.
- 5.3. Ngôn ngữ thông tin công bố trên thị trường chứng khoán là tiếng Việt. Việc công bố thông tin bằng tiếng Anh được khuyến khích thực hiện theo hướng dẫn tại Quy chế của Sở giao dịch chứng khoán, UBCKNN. Trường hợp công bố thông tin bằng tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung thông tin công bố bằng tiếng Anh chỉ có tính tham khảo.
- 5.4. Trường hợp thay đổi người CBTT, Công ty phải báo cáo cho UBCKNN, SGDCK trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện CBTT có hiệu lực theo Phụ lục I và III của Thông tư 96/2020/TT-BTC (*Phụ lục A*)

6. PHƯƠNG TIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN:

6.1. Các phương tiện công bố thông tin bao gồm:

- a) Trang thông tin điện tử (website) của Công ty;
- b) Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN;
- c) Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán, phương tiện công bố thông tin khác theo Quy chế của Sở giao dịch chứng khoán;
- d) Trang thông tin điện tử của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;
- e) Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định pháp luật (báo in, báo điện tử...).

6.2. Đối với trang thông tin điện tử (website) của Công ty:

- a) Phải báo cáo với UBCKNN, Sở giao dịch chứng khoán và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc khi thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử này;
- b) Trang thông tin điện tử (website) của Công ty phải có tối thiểu các thông tin sau:²
 - Trang thông tin điện tử phải có các nội dung về ngành, nghề kinh doanh và các nội dung phải thông báo công khai trên cổng thông tin quốc gia về đăng ký

² Tổng hợp từ khoản 2, Điều 7 về “Phương tiện báo cáo, công bố thông tin”, Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và mọi thay đổi liên quan tới các nội dung này; chuyên mục riêng về quan hệ cổ đông (nhà đầu tư), trong đó phải công bố Điều lệ công ty, Quy chế công bố thông tin, các thông tin công bố định kỳ, bất thường, theo yêu cầu và các hoạt động khác quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC;

- Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.

- 6.3. Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, nghĩa vụ công bố thông tin được thực hiện trên Trang thông tin điện tử (website) của Công ty và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật sau khi ngày nghỉ, ngày lễ kết thúc.
- 6.4. Cách thức báo cáo, công bố thông tin trên hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, phương tiện công bố thông tin của Sở giao dịch chứng khoán thực hiện theo hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán

7. NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

- 7.1. Công ty thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin thông qua Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc cá nhân khác được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền công bố thông tin của Công ty.
- 7.2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà cả Chủ tịch Hội đồng quản trị và người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban Điều hành có trách nhiệm thay thế thực hiện công bố thông tin.

8. QUYỀN HẠN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN:

- 8.1. Đại diện cho Công ty trong công tác công bố thông tin.
- 8.2. Yêu cầu các bộ phận có liên quan cung cấp, báo cáo số liệu đầy đủ, đúng hạn.
- 8.3. Kiến nghị với Người đại diện theo pháp luật của Công ty về những hoạt động liên quan đến CBTT, về việc sửa đổi bổ sung Quy chế này.
- 8.4. Trực tiếp chỉ đạo, kiểm tra thông tin lập các báo cáo liên quan đến CBTT đúng quy định.
- 8.5. Chịu trách nhiệm trước Công ty và pháp luật về thông tin công bố.

9. CÁC LOẠI HÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN:

9.1. Công bố thông tin định kỳ:

- Thông tin năm/bán niên/quý/tháng;
- Thông tin về tình hình quản trị công ty;

- Thông tin về cổ đông lớn
- 9.2. Công bố thông tin bất thường.
- 9.3. Công bố thông tin theo yêu cầu.
- 9.4. Công bố thông tin khác của Công ty Chứng khoán.
- 9.5. Chi tiết cho từng loại hình công bố thông tin và tài liệu cần công bố được trình bày ở *Phụ lục B* của Quy chế này.

10. THỜI HẠN GỬI TÀI LIỆU CÔNG BỐ THÔNG TIN:

- 10.1. Đối với thông tin định kỳ: tất cả các tài liệu phải được các phòng ban liên quan hoàn thiện và cung cấp cho Người chịu trách nhiệm CBTT chậm nhất 03 ngày làm việc trước thời hạn cuối cùng phải CBTT.
- 10.2. Đối với thông tin bất buộc bất thường: tất cả các tài liệu phải hoàn thiện và cung cấp cho Người chịu trách nhiệm CBTT trong ngày xảy ra sự kiện bất thường đó.

11. THỜI HẠN LƯU TRỮ TÀI LIỆU CÔNG BỐ THÔNG TIN:

- 11.1. Các thông tin công bố định kỳ phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin tối thiểu là 05 năm;
- 11.2. Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin tối thiểu là 05 năm.

12. QUY ĐỊNH VỀ TÀI LIỆU CÔNG BỐ THÔNG TIN:

- 12.1. Đối với tài liệu dưới hình thức văn bản giấy: Văn bản hợp lệ bao gồm bản chính và bản sao hợp lệ.
- 12.2. Đối với tài liệu điện tử: văn bản có định dạng word/excel/pdf; Trường hợp dữ liệu điện tử gửi qua hệ thống của UBCKNN và SGDCK, định dạng văn bản công bố thông tin theo quy định của từng cơ quan.

13. TẠM HOÃN CÔNG BỐ THÔNG TIN:

- 13.1. Công ty được tạm hoãn CBTT trong trường hợp vì lý do bất khả kháng như: Thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh và các lý do bất khả kháng khác.
- 13.2. Công ty phải thông báo với UBCKNN, SGDCK về việc tạm hoãn CBTT, nêu rõ lý do tạm hoãn, và công bố về việc tạm hoãn CBTT.
- 13.3. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, Công ty có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

14. XỬ LÝ VI PHẠM VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN:

Cá nhân, phòng ban các đơn vị có liên quan nếu có hành vi vi phạm các quy định CBTT trong Quy chế này và các quy định của pháp luật thì theo tính chất, mức độ sẽ bị xử lý kỷ



luật lao động, xử lý vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây ra thiệt hại cho Công ty thì phải bồi thường theo quy định pháp luật.

15. QUY TRÌNH CÁC BƯỚC: (Trang bên)

15.1. Lưu đồ

Phòng/ban có trách nhiệm	Lưu đồ thực hiện	Tham chiếu
Phòng/ban/Chi nhánh phát sinh sự kiện phải CBTT	Xác định loại hình CBTT và chuẩn bị tài liệu	15.2.1 và 15.2.2
Người công bố thông tin hoặc người được ủy quyền Công bố thông tin	Phê duyệt CBTT	15.2.3
Bộ phận phụ trách CBTT	Công bố thông tin trên: 1. Website công ty 2. Hệ thống CBTT của UBCKNN, SGDCK, VSD, UBGSTCQG	15.2.4
Bộ phận phụ trách CBTT	Lưu trữ tài liệu	15.2.5

15.2. Diễn giải chi tiết

Bước	Nội dung	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu
1	Xác định loại hình CBTT	Bộ phận chuyên môn	Định kỳ/ngay khi phát sinh	
2	Chuẩn bị tài liệu CBTT	Bộ phận chuyên môn	Theo quy định tại Điều 10	Theo phụ lục A, B
3	Xác thực và báo cáo: Bộ phận có trách nhiệm xác thực tính chính xác và nội dung CBTT báo cáo Người có trách	Người có trách	Theo quy định tại Điều 10	Quyết định CBTT

	nhiệm CBTT (nội dung và các tài liệu sử dụng cho CBTT) để Người có trách nhiệm CBTT quyết định CBTT	nhiệm CBTT		
4	Công bố thông tin trên: - Website Công ty - Sau khi đăng tải thành công lên Website, bộ phận CBTT tiến hành CBTT trên hệ thống của UBCKNN, SGDCK, UBGSTCQG.	Bộ phận phụ trách CBTT	Theo quy định từng loại hình	
5	Bảo quản và lưu trữ: Bộ phận phụ trách CBTT lưu trữ tài liệu, văn bản theo Điều 11 Quy chế này và Quy chế về lưu trữ văn bản của Công ty.	Bộ phận phụ trách CBTT	Ngay sau khi thực hiện CBTT	

16. BIỂU MẪU ĐÍNH KÈM QUY CHẾ:

Theo Phụ lục A đính kèm.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



NGUYỄN HỒNG HẢI